

Vĩ kinh tế và nhất là trong đầu tư, những số liệu cụ thể cho thấy rằng, Trung Quốc còn Mỹ hơn rất nhiều so với Mỹ còn Trung Quốc. Với việc Trung Quốc có những hành động không mấy “thân thiện” với các nhà đầu tư Mỹ, đã đến lúc Mỹ cần thay đổi và mạnh tay hơn với Trung Quốc.



Hàng năm, Phòng Thương mại Mỹ ở Trung Quốc thực hiện một cuộc khảo sát tâm lý kinh doanh của các doanh nghiệp nước mình, và năm nay có gần 500 doanh nghiệp phản hồi. Ba trên bốn doanh nghiệp báo cáo rằng họ cảm thấy ít được chào đón hơn ở Trung Quốc so với hai thập kỷ trước đây. Những kết quả trên phản ánh một thực tế là các doanh nghiệp và nhà đầu tư Mỹ ngày càng phải đối mặt với một môi trường kinh doanh khó khăn và không thân thiện ở Trung Quốc. Vụ tranh chấp bản quyền giữa Apple và một công ty Trung Quốc và tuyên bố của Uber rằng công ty này sẽ bán chi nhánh của mình ở Trung Quốc cho Didi Chuxing, một đối thủ bản địa, là những ví dụ mới đây phản ánh xu thế trên.

Chúng ta nghi ngờ việc nước Mỹ và doanh nghiệp Mỹ có lợi ích to lớn trong duy trì mối quan hệ tốt đẹp với kinh tế, chính trị với Trung Quốc. Những mặt thực tế đáng chú ý khác là những vốn đầu tư được biết mà các công ty Mỹ phải đối mặt ở đó. Đó là hàng loạt vốn đầu tư những quy định không rõ ràng và thiếu nhất quán đến những lĩnh vực hoàn toàn đối với đầu tư nước ngoài ở những lĩnh vực như thực phẩm và truyền thông. Thách thức ở đây là việc làm thế nào để mang lại sự công bằng hơn cho hai thực thể nêu trên, điều đó có nghĩa là thực thi một chính sách của Mỹ với mục tiêu đầu tư được nguyên tắc có đi có lại với đầu tư với Trung Quốc, thậm chí là nó bị hạn chế trong vài năm qua và với những ngoại lệ mà hai bên từng nhất trí với các dự án đầu tư ở các lĩnh vực thực sự quan trọng đối với an ninh quốc gia.

Chính sách đó phải được dựa trên hai nguyên tắc. Thứ nhất là không định lợi riêng, với kinh tế và nhất là trong đầu tư, Trung Quốc cần Mỹ hơn rất nhiều so với Mỹ cần Trung Quốc. Thứ hai là phải công nhận rằng, khi nói đến môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp Mỹ ở Trung Quốc, thật thiêu khốn thiều tìm kiếm sự đầu tư Chính phủ Trung Quốc, bởi vì cho đến nay gần như chúng ta có ai thành công bằng cách đó. Cách tốt nhất để vượt qua hàng nghìn cá nhân và nhóm doanh nhân Trung Quốc có lợi ích ngày càng lớn trong việc duy trì khu vực tiếp cận nền kinh tế Mỹ. Khi những lợi ích của những người trong nước đang trở nên nguy cấp hiện hữu, Bộ Kinh sẽ lắng nghe họ rõ ràng hơn rất nhiều so với bất kỳ một dự án nào ở Washington.

Một minh họa điển hình cho những khác biệt trong lĩnh vực đầu tư giữa Mỹ và Trung Quốc là câu chuyện lâu năm đang diễn ra với Hiệp định đầu tư song phương Mỹ-Trung Quốc (gọi tắt là BIT). Các cuộc đàm phán bắt đầu từ năm 2008 và đến nay đã trải qua 24 vòng. Vấn đề gai góc nhất là đi đầu mà các nhà đàm phán từng gọi là “danh sách tiêu cực”: một nhóm lĩnh vực kinh tế được duy trì trong tình trạng đóng cửa với đầu tư nước ngoài ngay cả sau khi hiệp định trên hoàn thành.

Những Mỹ muốn một “danh sách tiêu cực” rất ngắn, trong khi Bắc Kinh tìm cách bảo vệ sự linh hoạt và ngành công nghiệp lớn hơn. Những khác biệt giữa Bắc Kinh và Washington còn lớn hơn cả vốn đầu tư chính sách nói trên. Thực ra, những khác biệt đó phản ánh sự mâu thuẫn căn bản giữa Mỹ và Trung Quốc liên quan đến vốn đầu tư nước ngoài. Như chuyên gia David Dollar thuộc Viện Brookings đưa ra nhận định với tạp chí “[Wall Street Journal](#)” hồi tháng 9 vừa qua: “Trung Quốc là quốc gia ‘đóng’ nhất trong nhóm nước G20 về đầu tư trực tiếp từ nước ngoài”. Tuy nhiên, lập trường của Mỹ, với một vài ngoại lệ, nói chung là hoan nghênh loại đầu tư trên, và Bộ Tài chính Mỹ cũng đã đồng ý với những thoả thuận giai đoạn đàm phán ban đầu của BIT.

Một sự thật khác tại Mỹ cũng có lập trường tương tự trong đó có Ủy ban quốc gia về quan hệ Mỹ-Trung. Báo cáo năm 2016 của Ủy ban này, với tiêu đề “Những ngòi nổ đáng lo ngại”, thực sự là một văn bản đáng chú ý bởi nó công khai khuyến khích sự ủng hộ trong giới chính trị và công chúng cho đầu tư từ Trung Quốc vào Mỹ. Báo cáo trên, được sắp xếp bởi hội đồng bầu cử nghị viện, tạo được sự chú ý với vốn đầu tư vì lợi ích làm và khoanh thu thuế mà đầu tư Trung Quốc mang đến mới đây phần nào. (Mặt ví dụ hay xuất hiện khi ông Donald Trump chọn bỏ ghế ghế bang Indiana, Mike Pence, làm người đồng tranh cử với mình. Financial Times, cũng dẫn cùng nguồn với báo cáo của Ủy ban trên, cho rằng “Doanh nghiệp Trung Quốc thuê người dân Indiana ở các nơi thuế 9 đến 10% của bang này”). Thậm chí ở New Hampshire, một địa phương mà người ta ít khi nghĩ đến với tư cách là một nơi nhận được nhiều đầu tư nước ngoài, thì báo cáo trên cũng được quan tâm. Bang này cho biết, có hai công ty “chiếm đa số” khi lập ra đầu tư Trung Quốc ở bang và rằng hai công ty đó vừa mới thuê hơn 300 người.” Và đáng chú ý, báo cáo trên cho biết Dự án Segway do New Hampshire đầu tư đã được bán lại cho một nhà đầu tư Trung Quốc một năm trước đây.

Tất nhiên, những khoản đầu tư như vậy là rất nhỏ nếu so sánh với các thị trường vốn đầu tư của Trung Quốc ở California, New York, và Texas. Thậm chí bán Khách sạn Waldorf Astoria ở New York trị giá 1,95 tỷ USD cho các nhà đầu tư Trung Quốc nhận được sự quan tâm đặc biệt trên truyền thông Mỹ. Tuy nhiên, tất cả những bản báo cáo như vậy về đầu tư Trung Quốc chỉ phản ánh những dòng đầu tư hiện hành và mới đây, tương tự khác với tình hình lập ra đầu tư nước ngoài trực tiếp của Trung Quốc vào Mỹ.

Những nguồn đầu tư trên bé nhỏ một cách đáng ngạc nhiên. Hồi năm 2014, cả số dữ liệu từ Phòng Phân tích kinh tế của Bộ Thương mại Mỹ cho rằng tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Mỹ là 2.900 tỷ USD, và 80% trong số đó (tổng cộng với 2.300 tỷ) là đến từ 8 quốc gia và trong số đó không có tên Trung Quốc. Thay vào đó,

4 quốc gia cung cấp đầu tư nước ngoài lớn nhất ở Mỹ là Vương quốc Anh, Nhật Bản, Hà Lan và Canada (lớn nhất là 450 tỷ, 373 tỷ, 305 tỷ và 261 tỷ USD). Chỉ riêng 4 quốc gia trên đã chiếm gần 1

400 tỷ trong tổng lượng đầu tư nước ngoài 2

900 tỷ của Mỹ trong năm 2014, và 4 nước khác ở châu Âu (Luxembourg, Đức, Thụy Sĩ và Pháp) theo sát phía sau, mỗi nước với một lượng đầu tư trong khoảng 224 đến 243 tỷ USD.

Mỗi nước trong số 8 quốc gia trên có một lượng đầu tư cao nhất của Mỹ được tính bằng hàng trăm tỷ USD, trong khi đó các khoản đầu tư được báo cáo cho Trung Quốc cao nhất chỉ được tính bằng chục tỷ USD. Tất nhiên, trong năm 2015, số liệu của Bộ Thương mại Mỹ cho ra, đầu tư Trung Quốc ở Mỹ chỉ vừa đạt mức đầu tư của Singapore, một đất nước với 6 triệu người.

Do sự chú ý của công chúng thường được dành cho đầu tư Trung Quốc ở Mỹ, những con số tương đối nhỏ bé này có vẻ đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, những khoản đầu tư trên được che giấu trong hình ảnh nhàn nhai bất của các con số chính thức của Mỹ. Một số nguồn đã cung cấp các con số ước tính lớn hơn, một số trong đó phản ánh hoạt động đầu tư gần đây nhất của Bắc Kinh. Ví dụ, trong khi số liệu chính thức của Mỹ năm 2014 cho ra rằng tổng lượng đầu tư vào Mỹ của Trung Quốc ít hơn 10 tỷ USD, Bộ Thương mại Trung Quốc báo cáo con số 38 tỷ USD cho năm đó và 46,6 tỷ USD cho năm 2015. Tập đoàn Rhodium, một công ty tư vấn Mỹ, cung cấp một con số còn lớn hơn, 63 tỷ USD cho năm 2015. Những bản chốt cuối cùng của vốn đầu không thay đổi: tổng lượng đầu tư Trung Quốc ở Mỹ thấp hơn rất nhiều so với của 8 quốc gia đang đầu.

Điều đó có nghĩa là tầm quan trọng của đầu tư Trung Quốc đối với Mỹ là tương đối nhỏ. Tất nhiên là nó có giá trị, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp liên quan, nhưng không giống với các nước mà đầu tư từ bên ngoài vào được nhiều người coi như là quan trọng đối với nền kinh tế quốc gia, đó không phải là trường hợp của nước Mỹ. Quan hệ đầu tư Trung Quốc đối với Mỹ gợi lại câu chuyện ngụ ngôn của Aesop về con ruồi đầu trên sống một con bò: khi con ruồi tuyên bố là nó sẽ chuồn bay rồi đi, con bò trả lời rằng nó đã không hề biết việc con ruồi đến và sẽ không biết khi nào con ruồi đó bay đi.

Mỹ nên làm sạch mặt chính sách thặng dư tương tự như vậy đối với những đất

ngành đầu tư tại Trung Quốc. Một lý do là để nói với các nhà đầu tư Trung Quốc rằng kinh doanh như thế này là không còn áp dụng đối với thế hệ đầu tư nước ngoài nữa. Một lý do khác là liệu một khoản đầu tư sẽ là tốt hay xấu cho nhà nước; khoản đầu tư đó có đe dọa cạnh tranh với thế hệ đầu tư mà nó sẽ ảnh hưởng hay không; và liệu nó có xâm phạm an ninh quốc gia của Mỹ hay không, bằng việc tác động đến cấu trúc sản xuất của quốc gia, nguồn cung các nguyên liệu thô, hoặc bằng việc khoản đầu tư được đầu tư vào ngành công nghệ quan trọng như microchip, và những máy công cụ hiện đại.

Một vài trong số những vốn đầu tư trên, nhất là những vốn đầu tư liên quan đến an ninh quốc gia và những nghi vấn về sự hậu thuẫn của các khoản đầu tư được đưa ra, đã được nêu lên trong mối liên hệ với các khoản đầu tư Trung Quốc tại Đức và Anh cũng như mối đây nhất là ở Úc. Ở Anh, vốn đầu tư là việc xây dựng nhà máy năng lượng hạt nhân Hinkley Point, trong đó Trung Quốc là nguồn cung cấp tài chính chủ yếu. Khía cạnh trên làm dấy lên quan ngại trong giới an ninh của Anh. Trong khi đó ở Đức, một số dự án bán cho các nhà đầu tư Trung Quốc đã gieo hạt chuông cảnh tỉnh cho Berlin. Việc việc khai thác là việc đầu tư bán công ty robot của Đức Kuka cho một nhà đầu tư Trung Quốc, một thông tin mà Thủ tướng Đức Angela Merkel ban đầu hết sức phớt lờ. Những quan ngại của bà Merkel tập trung vào hai vấn đề: một là tác động đến nền kinh tế Đức nếu việc duy nhất trong phát triển robot của nước này bị bán cho nước ngoài; vấn đề khác là sự thất bại của Trung Quốc trong việc tạo ra sự đổi mới công nghệ, có đi có lại cho các khoản đầu tư của Đức tại Trung Quốc. Tất nhiên, khi bà Merkel đến thăm Bắc Kinh vào hồi tháng 6 vừa qua, bà đã yêu cầu giới chức trách sự tiếp nhận cho các công ty nước ngoài các quy định và các cách như những doanh nghiệp nội địa.

Tuy nhiên, ở Đức và Anh, những mối quan ngại trên đã không thể ngăn chặn các thông tin về đó. Ở Anh, Thủ tướng Theresa May đồng ý một cách bất đắc dĩ với án Hinkley Point, mặc dù bà bổ sung các bước đi liên quan đến an ninh để giảm vai trò giám sát của chính phủ mà có thể áp dụng đối với những lợi ích ngành đầu tư trong tương lai, cùng với những đảm bảo mới rằng Anh vẫn mở cửa đối với đầu tư nước ngoài. Tình hình tương tự cũng diễn ra ở Đức: Tháng 8/2016, sau nhiều tháng trì hoãn, thông tin bán Kuka với giá 5 tỷ USD đã bất đắc dĩ được thông qua, mặc dù Phó Thủ tướng Sigmar Gabriel tiếp tục tranh cãi rằng vấn đề với thông tin trên không phải là chủ nghĩa bảo hộ như một số người nói, mà thay vào đó xuất phát từ việc Đức không hề muốn có các sản phẩm công nghệ.

Mục tiêu trên vẫn là một mối quan ngại của Đức. Cuối tháng 10 vừa qua, quyết định của Berlin rút lợi ích sang cho thông tin bán công ty microchip Aixtron trị giá 736 triệu USD cho một quỹ đầu tư Trung Quốc đã cho ra một sự thay đổi quan

trởng trong tư duy của người dân đối với sự việc đó. Điều này cũng khuyến khích những hy vọng trong Liên minh châu Âu (EU) cho một thỏa thuận đầu tư song phương với Trung Quốc – một hiệp định mà theo cả Thủ tướng Merkel và Phó Thủ tướng Gabriel đang hướng tới là để cân bằng môi trường đầu tư. Trong khi đó ở Úc, Canberra đã đình chỉ thương vụ bán một mảng lớn đi sản xuất rượu lên cho Trung Quốc, và các ngành sản xuất hàng dệt may này được sự ủng hộ của một nhóm kinh doanh giàu có, quyết liệt phản đối thương vụ bán cho một công ty Trung Quốc một trang trại gia súc có diện tích bằng nước Cộng hòa Ireland. Tuy nhiên, sau một nỗ lực kéo dài gần hai năm, vào cuối tháng 10 vừa qua, họ đã “chào thua” trước lợi ích ngành lên hàng đầu chính các nhà đầu tư Trung Quốc.

Không giống như các nước trên, ở Mỹ, Ủy ban đa thành viên về đầu tư nước ngoài của Bộ Tài chính có quyền đình chỉ bất kỳ một dự án đầu tư tiềm năng nào mà cả quan này cho rằng không phù hợp với những yêu cầu về an ninh quốc gia Mỹ. Chính thức thì cơ quan này ít khi làm như vậy, nhưng mọi đây, có nhiều dấu hiệu cho thấy các khoản đầu tư Trung Quốc ở Mỹ đang thu hút sự chú ý mới. Ví dụ, Thượng nghị sĩ Chuck Grassley đã đề nghị rằng Bộ Nông nghiệp Mỹ cần được bổ sung vào Ủy ban về đầu tư nước ngoài, cơ chế là bởi vì những hạn chế tiềm tàng của các khoản đầu tư nước ngoài đối với nguồn cung nông nghiệp và thực phẩm của nước này.

Tóm lại, những đánh giá này cung cấp một nền tảng vững chắc để truy vấn tới một cách mạnh mẽ tới lãnh đạo Trung Quốc rằng, việc đem bỏ cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư được chính phủ Mỹ đối xử công bằng hơn nhiều so với Bắc Kinh đã đem bỏ cho họ. Sự phân hóa của Mỹ ở trong cuộc đàm phán đó sẽ được tăng cường bằng những điều như như Bắc Kinh rằng nước này ít phải chịu hạn chế vào đầu tư Trung Quốc so với nhiều người khác và chúng ta không thể chờ đợi được rằng các nhà đầu tư Trung Quốc ngày càng cần và muốn đầu tư ở Mỹ. Điều này sẽ công bằng và có đi có lại đã trở thành trung tâm của chính sách kinh tế và thương mại của Mỹ kể từ thời Chính quyền Tổng thống Roosevelt áp dụng thành quả quan trọng của Người trưởng Thương Hội Hiệp định thương mại bình đẳng năm 1934. Và hiện là thời điểm chín muồi để làm mới lại di sản đó.

Bernard K. Gordon là Giáo sư danh dự về Khoa học Chính trị tại trường Đại học New Hampshire và là tác giả cuốn “America’s Trade Follies”. Bài viết được đăng trên [Foreign Affairs](#)

Trần Quang (gt)

